

NITRALMYL

Nitroglycerin 2,6mg

- **Dạng thuốc:** Viên nang.
- **Quy cách đóng gói:** Hộp 3 vỉ x 10 viên.
- **Thành phần:** Mỗi viên nang chứa các vi hạt có tác dụng kéo dài:

Nitroglycerin pellets tương ứng với Nitroglycerin 2,6mg

- Các đặc tính dược lý:

* Các đặc tính dược lực học:

Nitroglycerin là một nitrat hữu cơ, khi vào trong cơ thể được chuyển hoá thành gốc oxyd nitric (NO) nhờ glutathion-S-reductase và cystein; NO kết hợp với nhóm thiol thành nitrosothiol (R-SNO), chất này hoạt hoá guanylat cyclase để chuyển thành guanosin triphosphat (GTP), thành guanosin 3'5' monophosphat vòng (GMPc). GMPc làm cho myosin trong các sợi cơ thành mạch không được hoạt hoá, không có khả năng kết hợp với actin nên làm giãn mạch.

Thuốc tác động chủ yếu trên hệ tĩnh mạch, với liều cao làm giãn các động mạch và tiểu động mạch. Giãn hệ tĩnh mạch làm cho ứ đọng máu ở ngoại vi và trong các phủ tạng, giảm lượng máu về tim (giảm tiền gánh), hậu quả là giảm áp lực trong các buồng tim. Giãn nhẹ các tiểu động mạch dẫn đến giảm sức cản ngoại vi và áp lực thất trái trong thời gian tâm thu hậu quả là làm giảm nhu cầu oxygen trong cơ tim (giảm hậu gánh). Liều cao làm giảm huyết áp nhất là huyết áp tâm thu tuy không nhiều nhưng có thể gây giảm phản xạ giao cảm làm mạch hơi nhanh và tăng sức co bóp cơ tim. Các nitrat còn có tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu.

Trong suy vành, giảm tiền gánh, giảm hậu gánh sẽ làm giảm công và mức tiêu thụ oxygen của cơ tim, cung và cầu oxygen của cơ tim được cân bằng sẽ nhanh chóng cắt cơn đau thắt ngực. Thuốc cũng làm giãn động mạch vành, làm mất co thắt mạch, dùng lâu dài còn có tác dụng phân bố lại máu có lợi cho các vùng dưới nội tâm mạc và làm phát triển tuần hoàn bàng hệ.

Trong suy tim, nitroglycerin làm giảm về tim đã cải thiện tiền gánh, làm giảm áp lực thất phải và áp lực tuần hoàn phổi như vậy làm giảm các dấu hiệu ứ máu, với liều thích hợp thuốc lại làm giảm hậu gánh, tạo điều kiện cho tim tổng máu tốt hơn, tăng thể tích tâm thu và cung lượng tim.

* Các đặc tính dược động học:

Nitroglycerin ít có hiệu lực khi uống do thủy phân ở dạ dày và bị thoái hoá giáng mạch khi qua gan. Dạng thuốc uống giải phóng kéo dài: lượng thuốc nhiều hơn để bảo hoà chuyển hoá ở gan. Bảo đảm nồng độ có hiệu lực trong huyết tương. Thuốc có tác dụng sau 20 - 45 phút kéo dài đến 7 giờ.

- Chỉ định:

- * Phòng cơn đau thắt ngực.
- * Điều trị hỗ trợ trong bệnh suy tim trái nặng hay suy tim toàn bộ.

- **Cách dùng và liều dùng:** Theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc, liều dùng được điều chỉnh tùy theo tình trạng của bệnh nhân. Uống thuốc nuốt trọn viên, không nhai hoặc ngậm. *Liều thông thường:*

- * *Phòng cơn đau thắt ngực:* Uống 2 - 3 viên/ngày, chia ra nhiều lần trong ngày.
- * *Điều trị hỗ trợ trong bệnh suy tim trái nặng hay suy tim toàn bộ:* Uống mỗi lần 2 - 4 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc

- **Chống chỉ định:** Huyết áp thấp, truy tim mạch. Thiếu máu nặng. Tăng áp lực nội sọ do chấn thương đầu hoặc xuất huyết não. Nhồi máu cơ tim thất phải. Hẹp van động mạch chủ, bệnh cơ tim phì đại tắc nghẽn. Viêm màng ngoài tim co thắt. Dị ứng với các nitrat hữu cơ. Glôcôm góc đóng.

- **Thận trọng:** Khi dùng thuốc phải tăng liều từ từ để tránh nguy cơ hạ huyết áp thế đứng và đau đầu ở một số bệnh nhân, nên ngồi hoặc nằm sau khi dùng thuốc. Khi dùng liều cao không nên giảm thuốc đột ngột. Thận trọng khi dùng thuốc cho người bệnh suy gan, suy thận nặng, cường tuyến giáp, suy dinh dưỡng. Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:** Giãn mạch ngoại vi làm da bừng đỏ nhất là ở ngực và mặt; giãn các mạch trong mắt dễ gây tăng tiết dịch và làm tăng nhãn áp; giãn các mạch trong não có thể gây tăng áp lực nội sọ và làm đau đầu. Hạ huyết áp thế đứng, choáng váng, chóng mặt hay xảy ra ở người bệnh huyết áp thấp, người cao tuổi. Có thể có nổi ban, viêm da tróc vảy, rối loạn tiêu hoá. Với liều cao hơn liều điều trị, có thể có methemoglobin máu do thuốc oxy hoá Fe²⁺ làm cho huyết cầu tố không vận chuyển được oxy.

* **Thường gặp:** Toàn thân (đau đầu, chóng mặt); Tuần hoàn (tim đập nhanh, hạ huyết áp); Mắt (đỏ ửng).

* **Ít gặp:** Tiêu hoá (buồn nôn).

* **Hiếm gặp:** Toàn thân (ngất); Tuần hoàn (tím tái, methemoglobin huyết); Vị giác (mất vị giác).

- **Sử dụng quá liều:**

* **Triệu chứng:** Dùng Nitroglycerin quá liều gây hạ huyết áp nghiêm trọng kèm theo truy tim mạch, ngất, đau đầu dữ dội, chóng mặt, rối loạn thị giác, tăng áp lực nội sọ, buồn nôn và nôn, đau quặn bụng, ỉa chảy, khó thở, methemoglobin huyết, bại liệt, hôn mê.

* **Xử lý:** Cần để bệnh nhân ở tư thế nằm, nâng cao 2 chân nhằm mục đích cải thiện đường máu về tĩnh mạch. Phải truyền dịch và phải giữ cho đường thở được thông thoáng. Không nên dùng những chất co mạch vì có hại nhiều hơn lợi. Khi methemoglobin huyết xuất hiện, cần xử lý bằng tiêm dung dịch xanh methylen. Phải thực hiện rửa dạ dày sớm nếu thuốc được dùng qua đường tiêu hoá.

* **Ghi chú :**“**Nếu cần thông tin xin hỏi ý kiến của bác sĩ và thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**”.

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

* Dùng rượu đồng thời với Nitroglycerin có thể gây nên hạ huyết áp nghiêm trọng.

* Các thuốc chống tăng huyết áp, giãn mạch, lợi tiểu đều có thể làm tăng tác dụng hạ huyết áp của thuốc gây nên đặc biệt ở người cao tuổi.

- **Hạn dùng:** 36 tháng tính từ ngày sản xuất. **Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, nang thuốc bị rách, bóp méo, bột thuốc chuyển màu, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ... hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới trả lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát. **ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.**

- **Thuốc sản xuất theo:** TCCS.

KHÔNG DÙNG QUÁ LIỀU CHỈ ĐỊNH
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

Nhà sản xuất:

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

La Khê - Hà Đông - TP.Hà Nội

ĐT: 04.33522203 * Fax: 04.33522203